TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **12**/2022/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1990 và bà Trần Thị Hạnh Ng, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: K82/10 T, phường M, quận N, thành phố Đ**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Nguyễn Hải Đ và bà Trần Thị Hạnh Ng kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống chung tại K82/10 T, phường M, quận N, thành phố Đ và luôn phát sinh mâu thuân. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau và hay cãi vã nhau dẫn đến xung đột. Hiện quan hệ vợ chồng đã chấm dứt. Nay ông Đ và bà Ngxác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Ng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Đ và bà Ng xác định vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Hải A, sinh ngày 21/9/2015. Thuận tình ly hôn, ông bà tthỏa thuận

giao con chung Nguyễn Hải A cho bà Ngtrực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông xác định không có.

[4] Nợ chung: Ông và bà Ntự thỏa thuận không cyêu cầu giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000đ, ông Đ và bà Ng mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001136 ngày 11/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng (ông Đ và bà N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hải Đ và bà Trần Thị Hạnh Ngthuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Hải A, sinh ngày 21/9/2015 cho bà Nguyên trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Đ và bà Ng mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001136 ngày 11/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng (ông Đ và bà Ng đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Mỹ An,
quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
(Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, quyển số 01/2013 đã ký đăng ký ngày 17/3/2014).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lương Thị Anh